

*Phong Thổ, ngày 06 tháng 10 năm 2025*

**PHƯƠNG ÁN**

**Sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025  
của UBND xã Phong Thổ**

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định một số nội dung thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025;

Căn cứ quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 04/QBVR ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng về thông báo chi tiết số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025;

Căn cứ Công văn số 349/QBV& PTR 09/09/2025 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lai Châu về việc thông báo số tiền chi trả cho diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2025 triển khai công tác chi trả;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 của UBND thị trấn Phong Thổ;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 của UBND xã Mường So;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 06/2/2025 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 của UBND xã Ma Li Pho;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 của UBND xã Huổi Luông;

## II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

**1. Hiện trạng rừng:** Diện tích rừng do Ủy ban nhân dân xã quản lý là: 4.926,08 ha.

Trong đó:

\* Theo nguồn gốc hình thành rừng:

+ Rừng tự nhiên là: 4.786,54 ha.

+ Rừng trồng là: 139,54 ha.

\* Theo trạng thái rừng:

+ Rừng giàu có diện tích là: 35,86 ha.

+ Rừng trung bình có diện tích là: 211,48 ha.

+ Rừng nghèo có diện tích là: 3.673,96 ha.

+ Rừng nghèo kiệt có diện tích là: 602,04 ha.

+ Rừng chưa có trữ lượng có diện tích là: 263,2 ha.

+ Đối với rừng trồng không tổng hợp diện tích theo trạng thái trữ lượng: 139,54 ha.

\* Theo mục đích sử dụng:

+ Rừng đặc dụng 0 ha.

+ Rừng phòng hộ 1.254,4 ha.

+ Rừng sản xuất 3.671,68 ha.

## 2. Hợp đồng bảo vệ rừng

2.1. Tổng diện tích hợp đồng bảo vệ 4.926,08 ha, trong đó:

\* Theo trạng thái rừng:

Rừng giàu có diện tích là: 35,86 ha, rừng trung bình có diện tích là: 211,48 ha, rừng nghèo có diện tích là: 3.673,96 ha, rừng nghèo kiệt có diện tích là: 602,04 ha, rừng chưa có trữ lượng có diện tích là: 263,2 ha, đối với rừng trồng không tổng hợp diện tích theo trạng thái trữ lượng: 139,54 ha.

\* Theo mục đích sử dụng: Rừng đặc dụng 0 ha; rừng phòng hộ 1.254,4 ha; rừng sản xuất 3.671,68 ha.

\* Theo nguồn gốc hình thành rừng: Rừng tự nhiên 4.786,54 ha; rừng trồng 139,54 ha.

2.2. Bên nhận hợp đồng bảo vệ rừng

- Số cộng đồng thôn, bản, tổ dân phố nhận bảo vệ rừng: 48 thôn, bản, TDP.

- Số nhóm hộ gia đình nhận bảo vệ rừng: 06 nhóm hộ.

- Số hộ gia đình nhận bảo vệ rừng: 06 hộ.



### 3. Phương án sử dụng tiền DVMTR

3.1. Tổng kinh phí được phê duyệt trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

#### 3.1.1. Nguồn thu tiền DVMTR

Tổng nguồn thu: 3.760.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Thu từ tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2025 cho diện tích rừng thuộc trách nhiệm quản lý của 03 xã: Mường So, Ma Li Pho, Huổi Luông và thị trấn Phong Thổ, giao tại Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 là: 3.760.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

- Kinh phí chưa sử dụng chuyển từ kỳ trước sang là: 0 đồng.

#### 3.1.2. Phương án sử dụng tiền DVMTR

- Số tiền đã được phê duyệt: 3.760 triệu đồng.

+ Chi phí quản lý: 261.250.580 đồng, bằng 6,95% tổng số tiền DVMTR.

+ Chi cho bên nhận hợp đồng bảo vệ rừng: 3.498.749.420 đồng, bằng 93,05% tổng số tiền DVMTR.

- Nguồn kinh phí: tại Các Quyết định: số 75/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 của UBND thị trấn Phong Thổ; số 58/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 của UBND xã Mường So; số 95/QĐ-UBND ngày 06/2/2025 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 của UBND xã Ma Li Pho; số 392/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 của UBND xã Huổi Luông.

### 3.2. Tổng kinh phí đề nghị phê duyệt sau sắp xếp đơn vị hành chính

#### 3.2.1. Nguồn thu tiền DVMTR

- Tổng nguồn thu: 3.760.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

- Nguồn thu: được giao tại Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân tỉnh Lai Châu về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025; Công văn số 349/QBV&PTR 09/09/2025 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lai Châu về việc thông báo số tiền chi trả cho diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2025 triển khai công tác chi trả.



### 3.2.2. Phương án sử dụng tiền DVMTR

a. Số tiền phê duyệt: 3.760.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí quản lý: 211.199.000 đồng, bằng 5,62% tổng số tiền DVMTR.
- Chi cho bên nhận hợp đồng bảo vệ rừng: 3.548.801.000 đồng, bằng 94,38% tổng số tiền DVMTR.

(Chi tiết có phụ biểu 01, 02, 03 đính kèm)

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Tổ chức thực hiện phương án đã được phê duyệt; quản lý, sử dụng và quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng đảm bảo đúng quy định.

- Thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành về tài chính; Công khai danh sách đối tượng được chi trả (bên nhận hợp đồng bảo vệ rừng), số tiền được chi trả, kế hoạch chi trả theo quy chế dân chủ tại cơ sở bằng các hình thức như: niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã và tại nơi họp cộng đồng dân cư thôn hoặc nơi công cộng thuận lợi nhất để người dân tiện theo dõi; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã, thôn bản hoặc công bố trong hội nghị nhân dân của xã, thôn, bản, tổ dân phố.

- Chỉ đạo bên nhận hợp đồng nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn liên quan; Các thôn, bản thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến phương án sử dụng tiền DVMTR đến nhân dân trong bản. Tổ chức cho nhân dân thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ bảo vệ rừng trên diện tích được nhận bảo vệ của bản theo quy định hiện hành, chịu trách nhiệm trước Nhà nước và bên hợp đồng về vốn rừng được hợp đồng bảo vệ. Khi phát hiện các hành vi vi phạm vào rừng có trách nhiệm thông báo cho UBND xã, Kiểm lâm làm việc tại địa bàn để kịp thời xử lý theo quy định; Đối với trường hợp các hộ gia đình, cá nhân trong thôn, bản, tổ dân phố đã bị cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính về quản lý bảo vệ và phát triển rừng và quản lý lâm sản thì không chi trả DVMTR của năm cho hộ đó.

Trên đây là phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của UBND xã Phong Thổ năm 2025.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lê Hữu Hồng